

HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH VỀ TIÊU CHUẨN BỔ NHIỆM VÀ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG HÀNH NGHỀ CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

■ TS. PHẠM THÚY HỒNG*

Theo thống kê của Cục Bổ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp, tính đến ngày 31/12/2022, Việt Nam có 3.220 công chứng viên và 1.298 tổ chức hành nghề công chứng. So với thời điểm Luật Công chứng năm 2014 bắt đầu có hiệu lực, đội ngũ công chứng viên và các tổ chức hành nghề công chứng có sự phát triển mạnh mẽ, tăng hơn gấp đôi. Tuy nhiên, thực tiễn hành nghề cho thấy, chất lượng đội ngũ công chứng viên còn chưa đồng đều, thậm chí, có thể nói, một bộ phận công chứng viên có năng lực chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu; tình trạng vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức hành nghề do nhận thức, do trình độ hay cả do thái độ chủ quan của công chứng viên không phải là hiếm. Chính vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng năm 2014 nói chung và sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn

bổ nhiệm công chứng viên nói riêng là rất cần thiết, bảo đảm thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về yêu cầu về nguồn nhân lực công chứng viên chất lượng cao trong Chiến lược cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam theo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Kết luận số 84-KL/TW ngày 29/7/2020 của Bộ Chính trị về tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 49-NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng (Nghị quyết số 172/NQ-CP); mặt khác, sẽ giúp hoàn thiện pháp luật, tạo cơ sở, nền tảng để hoạt động công chứng phát triển bền vững, ổn định.

Với đặc thù nghề nghiệp của công

chứng viên, là một nghề luôn đối diện với rủi ro, đòi hỏi kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm pháp lý cao nên việc pháp luật đưa ra những tiêu chuẩn nghiêm ngặt để bổ nhiệm công chứng viên là phù hợp. Theo quy định tại Điều 8 Luật Công chứng năm 2014, tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên bao gồm: “Công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt và có đủ các tiêu chuẩn sau đây thì được xem xét, bổ nhiệm công chứng viên: 1. Có bằng cử nhân luật; 2. Có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật; 3. Tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng quy định tại Điều 9 của Luật này hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Luật này; 4. Đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng; 5. Bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng”.

1. Tiêu chuẩn chung

Về tiêu chuẩn chung, quy định của Luật Công chứng năm 2014 phù hợp với thông lệ quốc tế, cụ thể: Công chứng viên phải là công dân

Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt.

Ngoài ra, nếu nghiên cứu quy định pháp luật của một số quốc gia khác như Pháp, Đức, Tây Ban Nha, Hàn Quốc..., có thể thấy, pháp luật các nước này còn có quy định thêm tiêu chuẩn về năng lực hành vi dân sự (không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng thực hiện vai trò của mình). Đối chiếu tiêu chuẩn này với quy định hiện hành tại Việt Nam, mặc dù không quy định trực tiếp đây là một tiêu chuẩn nhưng trong quy định về “những trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên” đã bao gồm trường hợp “người bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự” (khoản 3 Điều 13 Luật Công chứng năm 2014). Phương pháp xây dựng quy định này vẫn phù hợp vì đã xác định được trường hợp, nếu có vi phạm điều kiện về năng lực chủ thể thì sẽ không đủ điều kiện để bổ nhiệm công chứng viên.

Nội dung của khoản 3 Điều 13 Luật Công chứng năm 2014 có độ “trễ” so với quy định của Bộ luật

Dân sự năm 2015 ở chỗ, còn bỏ sót trường hợp “người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi” (Điều 23 Bộ luật Dân sự năm 2015), nên việc Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng đưa nhóm này vào quy định về những trường hợp không được bổ nhiệm công chứng viên là rất cần thiết.

2. Tiêu chuẩn về chuyên môn

Theo khoản 1 Điều 2 Luật Công chứng năm 2014, “công chứng là việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản (sau đây gọi là hợp đồng, giao dịch), tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt (sau đây gọi là bản dịch) mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng”. Từ khái niệm về công chứng nêu trên, có thể thấy, công chứng viên phải thực sự là chuyên gia có kiến thức pháp lý sâu, rộng, có khả năng vận

dụng pháp luật một cách nhuần nhuyễn. Đây chính là một trong những nguyên nhân cơ bản để pháp luật đưa ra tiêu chuẩn rất khắt khe về chuyên môn để một người có thể trở thành công chứng viên.

2.1. Về đào tạo

Một người muốn trở thành công chứng viên phải bảo đảm tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng hoặc hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng. Người muốn đăng ký tham gia khóa đào tạo nghề công chứng phải là người đã có bằng cử nhân luật. Thời gian đào tạo nghề công chứng là 12 tháng. Đối với những người đã giữ các chức danh tư pháp với thời gian nhất định, Luật Công chứng năm 2014 cho phép được miễn đào tạo và chỉ cần tham gia khóa bồi dưỡng nghề công chứng với thời gian 03 tháng. Nhóm đối tượng được miễn đào tạo này, gồm: (i) Người đã có thời gian làm thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên từ 05 năm trở lên; (ii) Luật sư đã hành nghề từ 05 năm trở lên; (iii) Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật; (iv) Người đã là thẩm tra

viên cao cấp Ngành Tòa án, kiểm tra viên cao cấp Ngành Kiểm sát; chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật.

Những chủ thể thuộc đối tượng miễn đào tạo trên là những người có kiến thức pháp luật, có kỹ năng và thái độ với nghề nghiệp mà họ đã và đang hành nghề. Tuy nhiên, đối với nghề công chứng, họ là những người chưa có kỹ năng hành nghề và chưa được bồi dưỡng về đạo đức nghề công chứng. Do vậy, thay thế việc miễn đào tạo, những chủ thể này chỉ cần tham gia khóa bồi dưỡng, giảm thời gian đào tạo sẽ phù hợp với quy định về đào tạo nghề được quy định trong Luật Giáo dục nghề nghiệp năm 2014 cũng như phù hợp với chủ trương của Đảng được quy định tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

Song, nếu xét đến những chủ thể được tính là có kiến thức pháp luật,

có kỹ năng và thái độ nghề nghiệp trong lĩnh vực pháp luật, bên cạnh nhóm chủ thể trên, việc bổ sung nhóm đối tượng được giảm thời gian đào tạo, gồm thẩm tra viên chính Ngành Tòa án, chấp hành viên trung cấp, thẩm tra viên chính thi hành án dân sự, kiểm tra viên chính ngành Kiểm sát, trợ giúp viên pháp lý hạng II, thanh tra viên chính Ngành Tư pháp, chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng năm 2014 là cần thiết, nhưng chưa đủ, vì còn có nhóm cán bộ tư pháp - hộ tịch cũng nên là đối tượng được giảm thời gian đào tạo nghề công chứng. Bởi lẽ, trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, nhóm chủ thể này thường xuyên tiếp xúc, giải quyết các thủ tục để cấp các giấy tờ hộ tịch là nhóm giấy tờ liên quan rất nhiều đến hoạt động công chứng; cùng với đó, cán bộ tư pháp - hộ tịch cũng đảm nhận việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và cả chứng thực hợp đồng giao dịch, đây là những hoạt động khá “gần” với hoạt động nghề

ng nghiệp của công chứng viên. Với vị trí việc làm như vậy, ở mức độ nhất định, họ cũng có kiến thức, kỹ năng liên quan đến việc chứng thực bản sao, chứng thực chữ ký, chứng thực hợp đồng. Vì vậy, việc bổ sung cán bộ tư pháp - hộ tịch vào nhóm được miễn đào tạo nghề công chứng là cần thiết.

2.2. Về tập sự

Về thời gian tập sự hành nghề công chứng, Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) xác định là 12 tháng đối với tất cả các đối tượng tập sự; người tập sự phải bảo đảm thời gian tập sự theo ngày, giờ làm việc của tổ chức hành nghề công chứng. Nội dung quy định về thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng cũng được bổ sung trong Dự thảo nhằm bảo đảm người được bổ nhiệm có kiến thức, kỹ năng cập nhật.

Các nội dung về thời gian tập sự theo ngày, giờ làm việc của tổ chức hành nghề công chứng, thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng là phù hợp, mặc dù vậy, cần cân nhắc nội dung về

thời gian tập sự 12 tháng cho tất cả các đối tượng tập sự, nhằm bảo đảm sự thống nhất và để người tập sự đủ thời gian trải nghiệm, vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn. Tuy nhiên, nhóm chủ thể thuộc đối tượng được giảm thời gian đào tạo là những người đã có kiến thức pháp luật, có kỹ năng và kinh nghiệm nhất định trong công tác pháp luật, cho nên, nếu đưa ra yêu cầu nhóm chủ thể này cũng phải hoàn thành thời gian tập sự như những người tập sự khác thì có phần chưa hợp lý. Vì vậy, nên cân nhắc để quy định về việc giảm thời gian tập sự đối với nhóm này, có thể là 06 tháng (như nhóm được miễn đào tạo theo Luật Công chứng năm 2014) hoặc nếu thấy cần thiết, có thêm thời gian để trải nghiệm, vận dụng kiến thức lý thuyết, kỹ năng vào thực tiễn hành nghề thì có thể tăng lên là 09 tháng.

3. Tiêu chuẩn về kinh nghiệm

Luật Công chứng năm 2014 đưa ra yêu cầu về kinh nghiệm đối với người muốn bổ nhiệm công chứng viên là phải “có thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các

cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật”. Việc đưa ra yêu cầu về kinh nghiệm là hoàn toàn hợp lý và phù hợp với thông lệ quốc tế. Công chứng viên có chức năng xã hội quan trọng là: Cung cấp dịch vụ công nhằm bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia hợp đồng, giao dịch; phòng ngừa tranh chấp; góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội. Để bảo đảm thực hiện tốt trách nhiệm được giao, công chứng viên vừa phải là người có trình độ chuyên môn, vừa phải là người có kinh nghiệm thực tế, có am hiểu nhất định về thực tiễn hoạt động tại các cơ quan, tổ chức về công tác pháp luật.

Vì vậy, trong quá trình xây dựng Dự thảo Luật Công chứng (sửa đổi) cũng như lấy ý kiến đối với Dự thảo, có những ý kiến cho rằng, cần phải đưa ra yêu cầu về thời gian công tác pháp luật để bổ nhiệm công chứng viên là 05 năm. Liên quan đến nội dung quy định này, nghiên cứu cho thấy, việc xác định thời gian công tác pháp luật để bổ nhiệm công chứng viên là 03 năm sẽ hợp lý hơn.

Điều này một mặt vẫn bảo đảm người muốn bổ nhiệm công chứng viên phải có quá trình tích lũy kiến thức, kỹ năng qua một thời gian công tác pháp luật nhất định; mặt khác, quy định như vậy sẽ phù hợp với chủ trương, yêu cầu về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh.

4. Tiêu chuẩn về độ tuổi

Pháp luật về công chứng hiện hành không xác định độ tuổi là một tiêu chuẩn để bổ nhiệm công chứng viên. Liên quan đến vấn đề độ tuổi, pháp luật một số nước có quy định khá rõ. Ví dụ, pháp luật của Đức quy định, độ tuổi ít nhất 35 tuổi và không quá 70 tuổi khi bổ nhiệm công chứng viên lần đầu; Tây Ban Nha quy định, độ tuổi thấp nhất để được bổ nhiệm công chứng viên là 27 tuổi. Nghiên cứu này cho rằng, việc quy định độ tuổi như vậy là rất chặt chẽ, gồm cả độ tuổi mà một người bắt đầu đủ điều kiện bổ nhiệm, cũng như giới hạn tuổi hành nghề đối với một công chứng viên. Độ tuổi bắt đầu cần được quy định, vì nghề công chứng đòi hỏi người hành nghề phải có nền tảng kiến

thức và kinh nghiệm vững chắc, được tích lũy trong một thời gian đáng kể. Còn giới hạn tuổi hành nghề là để bảo đảm công chứng viên khi hành nghề phải có đủ sức khỏe, đủ cả thể lực và trí lực để có thể thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của mình.

Theo quy định của Luật Công chứng năm 2014, tuổi hành nghề của công chứng viên hợp danh và công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng là khác nhau. Cụ thể, công chứng viên của văn phòng công chứng được hành nghề không giới hạn độ tuổi, còn công chứng viên tại phòng công chứng có giới hạn độ tuổi hành nghề (nam đủ 60 tuổi và nữ đủ 55 tuổi); giới hạn này đặt ra do công chứng viên của phòng công chứng là công chức, viên chức nên sẽ phải chịu sự điều chỉnh của pháp luật lao động về độ tuổi nghỉ hưu. Tuy nhiên, các công chứng viên của phòng công chứng chỉ bị giới hạn tuổi hành nghề khi họ hành nghề tại phòng công chứng. Sau khi nghỉ hưu, nếu công chứng viên vẫn có nguyện vọng hành nghề, pháp luật về lao động

vẫn cho phép tiếp tục hành nghề sau độ tuổi nghỉ hưu (được xác định là người lao động cao tuổi). Khi đó, họ cũng thuộc đối tượng không hạn chế độ tuổi hành nghề.

Nghiên cứu cho thấy, Luật Công chứng năm 2014 còn thiếu sót khi không đưa độ tuổi là một tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên. Về độ tuổi tối thiểu để có thể bắt đầu được bổ nhiệm làm công chứng viên, không nhất thiết phải đưa ra, vì độ tuổi này cũng đã được gián tiếp quy định thông qua các tiêu chuẩn về đào tạo, bồi dưỡng mà người muốn bổ nhiệm công chứng viên phải đạt được. Còn về độ tuổi tối đa hành nghề công chứng cần thiết phải xem xét để đưa vào quy định trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng.

Đối với công chứng viên của phòng công chứng, độ tuổi hành nghề phải tuân theo quy định của pháp luật về lao động. Còn công chứng viên của văn phòng công chứng, mặc dù do đặc thù của văn phòng công chứng là hoạt động theo loại hình doanh nghiệp, nên việc quy định độ tuổi hành nghề khác với công chứng viên

của phòng công chứng là hợp lý. Tuy nhiên, vấn đề giới hạn về độ tuổi hành nghề nên đặt ra mà không nên không có giới hạn độ tuổi hành nghề như quy định hiện hành.

Nói cách khác, giới hạn độ tuổi hành nghề là một vấn đề mà Luật Công chứng năm 2014 còn bỏ ngỏ. Để kiểm soát chất lượng hành nghề công chứng, cần có quy định cụ thể để quản lý tiêu chuẩn của công chứng viên trong suốt quá trình hành nghề, đặc biệt là tiêu chuẩn về độ tuổi và điều kiện về sức khỏe. Tham khảo pháp luật một số nước trên thế giới cho thấy, giới hạn về độ tuổi hành nghề công chứng cũng là xu hướng chung. Chẳng hạn như, nhiều quốc gia ở châu Âu (Đức, Tây Ban Nha, Pháp...) không bổ nhiệm cho người trên 70 tuổi. Hoặc, theo pháp luật của Trung Quốc, người trên 65 tuổi sẽ không được xem xét bổ nhiệm công chứng viên. Công chứng viên được coi như “công lại” được Nhà nước bổ nhiệm, ủy nhiệm và trao quyền để thay mặt Nhà nước đem lại tính xác thực, tính an toàn pháp lý cho hợp đồng, giao dịch. Vì vậy, ngoài yêu cầu công chứng viên

phải có bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp, công chứng viên còn phải có sức khỏe cả về thể chất và tinh thần thì mới bảo đảm cho việc hành nghề của mỗi công chứng viên đạt hiệu quả. Để bảo đảm sự minh mẫn trong hành nghề, bảo đảm văn bản công chứng chính xác, khách quan, việc đánh giá về độ tuổi hành nghề là rất cần thiết. Dịch vụ công chứng mang tính chuyên môn sâu, liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến tài sản của người dân nói riêng và ảnh hưởng đến sự ổn định, phát triển của nền kinh tế nói chung, nên phải tuân thủ những quy định chặt chẽ về thời gian, địa điểm hành nghề, yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc, trách nhiệm đối với văn bản công chứng do mình thực hiện... Mặt khác, nếu tuổi hành nghề quá cao, khó có thể bảo đảm về sự chuẩn xác nghề nghiệp. Tham khảo quy định của một số lĩnh vực cho thấy, việc đề xuất giới hạn tuổi hành nghề của công chứng viên là hợp lý và cần thiết, cụ thể: Luật Người cao tuổi năm 2009 xác định người 60 tuổi được coi là người cao tuổi¹, Bộ luật Lao động năm 2019

xác định tuổi nghỉ hưu là 60 đối với nữ, 62 đối với nam² và Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại quy định tiêu chuẩn bổ nhiệm Thừa phát lại là không quá 65 tuổi³. Từ những quy định này, cho thấy, Luật Công chứng (sửa đổi) nên đưa ra quy định độ tuổi tối đa hành nghề công chứng là 65 tuổi.

5. Kiểm soát hoạt động hành nghề của công chứng viên

Trên thực tế, có tình trạng “cho thuê thẻ công chứng viên”, hợp tác với công chứng viên để thành lập văn phòng công chứng. Vấn đề này cũng đã được đề cập trên một số diễn đàn, bài báo như: “Có nên cho phép thành lập văn phòng công chứng một công chứng viên?”⁴, “Có tình trạng công chứng viên cho thuê bằng để hưởng lợi”⁵. Thực trạng này cần phải được kiểm soát và có hướng xử lý, để bảo đảm tránh việc các cá nhân, tổ chức “lách luật” trong quá trình thành lập và hoạt động của văn phòng công chứng; đối với công chứng viên là người cho thuê thẻ thì không thể bảo đảm kiến thức và kỹ

năng hành nghề, liệu có bảo đảm không khi người này hành nghề thường xuyên.

Quá trình sửa đổi Luật Công chứng năm 2014 cũng đã xuất hiện những quan điểm cho rằng, nên cho phép văn phòng công chứng hoạt động theo cả 02 loại hình là công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, để tránh tình trạng hình thành “thị trường cho thuê/chuyển nhượng công chứng viên”, gây lãng phí cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu hoạt động hành nghề công chứng thực sự. Bên cạnh đó, cũng có những quan điểm cho rằng, chỉ thừa nhận 01 loại hình là công ty hợp danh, để bảo đảm văn phòng công chứng được thành lập có khả năng hoạt động liên tục, không bị gián đoạn do rơi vào tình trạng thiếu công chứng viên do có công chứng viên chết, mất năng lực hành vi... hay rơi vào các trường hợp dẫn đến bị miễn nhiệm. Do vậy, nếu Luật Công chứng (sửa đổi) quy định theo hướng thừa nhận cả 02 loại hình thì có thể kiểm soát được tình trạng cho thuê thẻ công chứng viên. Nếu chỉ thừa nhận văn phòng công chứng hoạt động theo

loại hình công ty hợp danh, việc đưa ra giải pháp kiểm soát công chứng viên có hành nghề trên thực tế hay không là rất cần thiết. Từ thực tiễn hoạt động công chứng thời gian qua cho thấy, có 02 vấn đề có thể kiểm soát, đó là số lượng giao dịch công chứng viên đã chứng nhận (đặc biệt là trong tương quan tỷ lệ % số lượng giao dịch mà các công chứng viên khác cùng văn phòng công chứng đã chứng nhận) và kiểm soát về nơi cư trú của công chứng viên, vì hầu hết các công chứng viên “đứng danh” đều chỉ ký chứng nhận rất ít hợp đồng, giao dịch và không ít trường hợp công chứng viên cư trú ở tỉnh này nhưng lại đứng danh cho văn phòng công chứng ở tỉnh khác. Do vậy, nếu cần thiết, cơ quan có thẩm quyền có thể thực hiện việc thống

kê số lượng hợp đồng, giao dịch mà các công chứng viên đã từng chứng nhận và tiến hành kiểm tra đột xuất về sự có mặt của công chứng viên tại trụ sở tổ chức hành nghề công chứng là có thể nắm bắt được các thông tin liên quan đến 02 vấn đề này.

Công chứng là hoạt động hỗ trợ tư pháp, theo đó, bằng hành vi chứng nhận tính xác thực, tính hợp pháp của hợp đồng, giao dịch, công chứng viên đã đem lại sự an toàn pháp lý cho các hợp đồng, giao dịch này; giúp giảm thiểu rủi ro, cũng như hạn chế được tối đa tranh chấp phát sinh từ hợp đồng giao dịch. Xuất phát từ vai trò quan trọng của hoạt động công chứng, việc hoàn thiện pháp luật về công chứng viên - chủ thể của hoạt động công chứng là rất cần thiết □

1. Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

2. Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động năm 2019.

3. Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

4. Có nên cho phép thành lập văn phòng công chứng một công chứng viên?, <https://thanhvien.vn/co-nen-cho-phep-thanh-lap-van-phong-cong-chung-mot-cong-chung-vien-18524070721572803.htm>.

5. Có tình trạng công chứng viên cho thuê bằng để hưởng lợi, <https://plo.vn/co-tinh-trang-cong-chung-vien-cho-thue-bang-de-huong-loi-post745765.html>.